

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG - TRÌNH ĐỘ B
NGÀY THI: 21/6/2015

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ	Ghi chú (khóa học tại Trung tâm)
1	Lục Thị Chanh	Nữ	04/3/1993	Lệ Viễn-Sơn Động-Bắc Giang	Giỏi	TH000001	A2029987	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
2	Phạm Văn Đô	Nam	18/4/1996	Quốc Việt-Tràng Định-Lạng Sơn	Khá	TH000002	A2029986	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
3	Tổng Thị Hằng	Nữ	22/3/1987	Bích Động-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TH000003	A2029988	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
4	Đỗ Thị Hiền	Nữ	01/10/1992	Hoàng Ninh-Việt Yên-Bắc Giang	Khá	TH000004	A2029989	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
5	Ngô Quý Hưng	Nam	06/5/1994	Mỹ Độ-TP.Bắc Giang-Bắc Giang	Giỏi	TH000005	A2029990	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
6	Khổng Thị Huyền	Nữ	13/02/1993	Đông Lỗ-Hiệp Hòa-Bắc Giang	Khá	TH000006	A2029991	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
7	Nông Thị Lin	Nữ	19/6/1993	Nam Tuấn-Hòa An-Cao Bằng	Khá	TH000007	A2029992	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
8	Nguyễn Thế Thịnh	Nam	10/02/1992	Ngọc Vân-Tân Yên-Bắc Giang	Khá	TH000008	A2029993	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
9	Trần Thị Hoài Thu	Nữ	14/9/1993	Xuân Lâm-Thuận Thành-Bắc Ninh	Giỏi	TH000009	A2029994	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
10	Ngô Thị Thủy	Nữ	17/10/1993	Đồng Vương-Yên Thế-Bắc Giang	Giỏi	TH000010	A2029995	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
11	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	14/02/1993	Hồng Thái-Việt Yên-Bắc Giang	Giỏi	TH000011	A2029996	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
12	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	08/02/1993	Phúc Hòa-Tân Yên-Bắc Giang	Khá	TH000012	A2029997	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
13	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	12/6/1992	Trường Giang-Lục Nam-Bắc Giang	Giỏi	TH000013	A2029998	Từ 15/4/2015 đến 14/6/2015
14	Bàn Mạnh Cường	Nam	19/8/1993	Xuân Lập-Na Hang-Tuyên Quang	Trung Bình	TH000014	A2029999	
15	Trương Văn Đức	Nam	01/9/1991	Giáp Sơn-Lục Ngạn-Bắc Giang	Trung Bình	TH000015	A2030000	
16	Nguyễn Văn Đức	Nam	04/4/1992	Hưng Thông-Hưng Nguyên-Nghệ An	Trung Bình	TH000016	A2030001	
17	Ma Công Duy	Nam	13/12/1991	Thổ Bình-Lâm Bình-Tuyên Quang	Trung Bình	TH000017	A2030002	
18	Nguyễn Thanh Duyệt	Nam	29/8/1991	Đức Long-Hòa An-Cao Bằng	Trung Bình	TH000018	A2030003	
19	Vương Thị Bích Hạnh	Nữ	24/11/1990	Đông Khê-Thạch An-Cao Bằng	Trung Bình	TH000019	A2030004	
20	Cồ Như Lợi	Nam	27/01/1992	P.Phố Mới-TP.Lào Cai-Lào Cai	Trung Bình	TH000020	A2030005	
21	Bế Thị Luyến	Nữ	08/12/1993	Bính Xá-Đình Lập-Lạng Sơn	Trung Bình	TH000021	A2030006	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu chứng chỉ	Ghi chú (khóa học tại Trung tâm)
22	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	10/10/1992	Nguyễn Bình-Tĩnh Gia-Thanh Hóa	Trung Bình	TH000022	A2030007	
23	Đoàn Đại Phong	Nam	29/6/1992	Nguyễn Văn Trỗi-TP.Nam Định-Nam Định	Trung Bình	TH000023	A2030008	
24	Ngô Minh Phúc	Nam	18/10/1993	Phúc Sơn-Tân Yên-Bắc Giang	Khá	TH000024	A2030009	
25	Ma Văn Thắng	Nam	14/11/1990	Vinh Quang-Chiêm Hóa-Tuyên Quang	Trung Bình	TH000025	A2030010	
26	Chu Văn Thảo	Nam	27/02/1990	Hải Yến-Cao Lộc-Lạng Sơn	Trung Bình	TH000026	A2030011	
27	Vi Minh Tiến	Nam	06/11/1991	Hưng Đạo-TP.Cao Bằng-Cao Bằng	Trung Bình	TH000027	A2030012	
28	Bùi Anh Tuấn	Nam	17/9/1993	Tiền Phong-Mê Linh-Hà Nội	Trung Bình	TH000028	A2030013	
29	Vũ Anh Tuyên	Nam	27/6/1991	Vĩnh Tuy-Bắc Quang-Hà Giang	Giỏi	TH000029	A2030014	
30	Phan Hữu Tuyền	Nam	23/11/1993	Ngọc Sơn-Hiệp Hòa-Bắc Giang	Trung Bình	TH000030	A2030015	

Danh sách này gồm 30 thí sinh